

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 23/2025/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định biện pháp hỗ trợ, ưu đãi đối với hoạt động tái chế rác thải
sử dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất trên địa bàn thành phố Hà Nội**
(thực hiện điểm d khoản 2 Điều 28 của Luật Thủ đô)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022;

Xét Tờ trình số 219/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định biện pháp hỗ trợ, ưu đãi đối với hoạt động tái chế rác thải sử dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất trên địa bàn thành phố Hà Nội (thực hiện điểm d khoản 2 Điều 28 Luật Thủ đô); Báo cáo thẩm tra số 71/BC-BĐT ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân Thành phố; Văn bản số 3935/UBND-NNMT ngày 05 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra đối với dự thảo Nghị quyết quy định biện pháp hỗ trợ, ưu đãi đối với hoạt động tái chế rác thải sử dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Văn bản số 4015/UBND-NNMT ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tiếp thu, giải trình ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết quy định biện pháp hỗ trợ, ưu đãi đối với hoạt động tái chế rác thải sử dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định các biện pháp hỗ trợ, ưu đãi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và tiêu dùng các sản phẩm từ tái chế rác thải sử dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất và hoạt động tái chế rác thải sử dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Các biện pháp hỗ trợ, ưu đãi tại Nghị quyết này được áp dụng đối với các loại rác thải tái chế theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức và cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và tiêu dùng có liên quan đến tái chế rác thải sử dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Rác thải*: là chất thải ở thể rắn, phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của con người; còn gọi là chất thải rắn (rác thải) sinh hoạt.

2. *Kỹ thuật hiện có tốt nhất (BAT)*: là giải pháp kỹ thuật tốt nhất được lựa chọn, áp dụng đối với hoạt động hoặc công đoạn sản xuất của từng loại hình sản xuất sản phẩm tái chế, tái chế rác thải; đảm bảo phù hợp với điều kiện của thành phố Hà Nội, hiệu quả trong phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. *Sản phẩm tái chế (còn gọi là sản phẩm từ tái chế)*: là sản phẩm, hàng hóa và bao bì thương phẩm của sản phẩm, hàng hóa được sản xuất từ vật liệu tái chế, thân thiện với môi trường và có tỷ lệ sử dụng tối thiểu theo quy định tại cột 5 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. *Vật liệu tái chế*: là nguyên liệu và sản phẩm đã qua sử dụng (chất thải) hoặc nguyên liệu thứ cấp (từ tái chế chất thải) được thông qua quá trình sản xuất, chế biến lại thành sản phẩm, bộ phận cấu thành sản phẩm; không bao gồm thu hồi năng lượng và sử dụng sản phẩm làm nhiên liệu.

Điều 4. Nguyên tắc hỗ trợ, ưu đãi

1. Hỗ trợ, ưu đãi phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng mức độ và lợi ích hợp pháp của đối tượng được hưởng hỗ trợ, ưu đãi.

2. Hỗ trợ, ưu đãi được quy định tại Nghị quyết này được tính cho các đối tượng được hưởng hỗ trợ, ưu đãi nêu tại Điều 5 khi đáp ứng các điều kiện nêu tại Điều 6 và không được hưởng hỗ trợ, ưu đãi ngay khi không đáp ứng được các điều kiện nêu tại Điều 6 Nghị quyết này. Thời điểm hưởng hỗ trợ, ưu đãi tại Nghị quyết này được tính từ thời điểm được cơ quan có thẩm quyền quyết định hỗ trợ, ưu đãi xem xét, chấp thuận.

3. Ngoài các hỗ trợ, ưu đãi quy định tại Nghị quyết này, đối tượng được hưởng hỗ trợ, ưu đãi vẫn được hưởng các hỗ trợ, ưu đãi khác theo quy định của pháp luật nhưng không trùng lặp nội dung. Trường hợp trong cùng một thời điểm và cùng một nội dung; thì được hưởng hỗ trợ, ưu đãi theo văn bản có quy định mức hỗ trợ, ưu đãi cao hơn.

Chương II

CÁC BIỆN PHÁP HỖ TRỢ, ƯU ĐÃI

Điều 5. Đối tượng được hưởng hỗ trợ, ưu đãi

Đối tượng được hưởng hỗ trợ, ưu đãi thuộc một trong hai khoản sau của Điều này:

1. Tổ chức, cá nhân khi đầu tư vào các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội sau đây:

a) Tái chế rác thải tập trung từ hoạt động thu gom, thu hồi rác thải trên địa bàn Thành phố.

b) Sản xuất các sản phẩm từ tái chế rác thải từ hoạt động thu gom, thu hồi rác thải trên địa bàn Thành phố.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh, phân phối sản phẩm của dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này và thuộc đối tượng là doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Các điều kiện áp dụng

1. Ngoài các điều kiện áp dụng hỗ trợ, ưu đãi tương ứng với từng loại hỗ trợ, ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành; đối tượng được hưởng hỗ trợ, ưu đãi quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo quy định tại cột 6 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này và thuộc danh mục hoặc hướng dẫn kỹ thuật về áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành. Trường hợp danh mục hoặc hướng dẫn kỹ thuật chưa được cơ quan có thẩm quyền ban hành thì thực hiện theo khoản 3 Điều này.

b) Có cam kết về sản phẩm được sản xuất là sản phẩm tái chế thân thiện với môi trường, đáp ứng các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và/hoặc được chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam.

2. Ngoài các điều kiện áp dụng hỗ trợ, ưu đãi tương ứng với từng loại hỗ trợ, ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành; đối tượng được hưởng hỗ trợ, ưu đãi quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết này phải có hoạt động kinh doanh, phân phối các sản phẩm từ tái chế có sử dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất; đáp ứng các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và/hoặc được chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam.

3. Trong trường hợp danh mục hoặc hướng dẫn kỹ thuật về áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất chưa được cơ quan có thẩm quyền ban hành, Ủy ban nhân dân Thành phố chủ động xây dựng và quyết định ban hành danh mục hoặc hướng dẫn kỹ thuật về áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất được phép áp dụng tại Hà Nội đối với từng loại hình sản xuất sản phẩm tái chế, tái chế rác thải quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này; đảm bảo đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại khoản 2 Điều 105 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Trình tự, thủ tục quyết định ban hành danh mục hoặc hướng dẫn kỹ thuật về áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất được phép áp dụng tại Hà Nội được thực hiện theo quy định tại khoản 5 và 6 Điều 37 Luật Thủ đô năm 2024.

Điều 7. Các biện pháp ưu đãi

1. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này được hưởng các ưu đãi sau đây:

a) Được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Thủ đô năm 2024 khi thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này.

b) Được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 06 (sáu) năm; giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước trong các năm tiếp theo theo chính sách ưu đãi về đất đai của Trung ương và của Thành phố tại từng thời kỳ khi thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này.

c) Được xem xét vay vốn từ nguồn vốn điều lệ Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố và nguồn vốn nhận ủy thác quỹ bảo vệ môi trường tại Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố theo quy định của pháp luật tại thời điểm vay.

d) Được hưởng ưu đãi với mức thu phí là 0 (không) đồng đối với các loại phí, lệ phí thuộc khoản thu ngân sách địa phương quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết này được hưởng ưu đãi quy định tại điểm c khoản 1 Điều này khi thực hiện đầu tư kênh phân phối có sản phẩm tái chế với ít nhất 10 (mười) địa điểm phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng và có tổng nguồn vốn của năm tối thiểu 3 tỷ đồng cho hoạt động phân phối sản phẩm từ tái chế.

3. Phương thức thực hiện: giảm, trừ trực tiếp vào chi phí phải nộp của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Các biện pháp hỗ trợ

1. Được xem xét hỗ trợ một phần lãi suất sau đầu tư từ nguồn vốn nhận uỷ thác quỹ bảo vệ môi trường tại Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố theo quy định của pháp luật tại thời điểm xét duyệt hỗ trợ khi thực hiện dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này.

2. Hỗ trợ 50% phí sử dụng hạ tầng nhưng không quá 100 (một trăm) triệu đồng/năm đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này khi hoạt động trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp có đầu tư hạ tầng đồng bộ của Thành phố.

3. Hỗ trợ toàn bộ (100%) chi phí cho các hoạt động sau:

a) Tham gia các hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại Quốc gia và Thành phố; trừ các trường hợp quy định tại điểm b và c khoản này.

Mức hỗ trợ tối đa không vượt quá 1,5 lần mức hỗ trợ tối đa quy định tại Phụ lục VI Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc quy định một số chính sách, nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

b) Đào tạo, tập huấn nguồn nhân lực; thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo dự án, tập huấn và chuyển giao công nghệ, kỹ thuật hiện có tốt nhất.

Tổng mức hỗ trợ tối đa 300 (ba trăm) triệu đồng.

c) Hoạt động quảng bá sản phẩm tái chế trên các phương tiện truyền thông, trên các chương trình truyền hình, báo chí hoặc thông qua các hoạt động tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường.

Tổng mức hỗ trợ tối đa 200 (hai trăm) triệu đồng/năm.

4. Hỗ trợ 50% chi phí cho các hoạt động sau:

a) Xây dựng thương hiệu, thiết kế biểu tượng và hệ thống các dấu hiệu nhận diện thương hiệu.

Mức hỗ trợ không quá 100 (một trăm) triệu đồng/01 nội dung.

b) Thực hiện các thủ tục cấp chứng nhận quyền sở hữu trí tuệ, cấp Nhãn sinh thái Việt Nam hoặc các chứng nhận, chứng chỉ, nhãn hiệu về chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật.

Mức hỗ trợ không quá 100 (một trăm) triệu đồng/01 nội dung.

c) Trưng bày và bán sản phẩm tái chế tại các trung tâm thương mại, siêu thị, hệ thống bán lẻ có quy mô lớn trên địa bàn Thành phố.

Tổng mức hỗ trợ tối đa 100 (một trăm) triệu đồng/năm.

5. Phương thức thực hiện:

a) Ngân sách Thành phố hỗ trợ trực tiếp thông qua các cơ quan, tổ chức thuộc Thành phố, trong trường hợp là đơn vị chủ trì thực hiện hoạt động quy định tại các khoản 3 và 4 Điều này.

Kinh phí thực hiện hỗ trợ từ nguồn ngân sách được cân đối trên cơ sở khả năng bố trí ngân sách theo kế hoạch, dự toán giao ngân sách hàng năm và theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Tổ chức, cá nhân được hạch toán vào chi phí sản xuất theo quy định của pháp luật, trong trường hợp tự thực hiện các hoạt động quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

c) Căn cứ báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động được hỗ trợ của tổ chức, cá nhân và kết quả kiểm tra, giám sát của các sở, ban, ngành Thành phố theo thẩm quyền; cơ quan thuế quyết định xem xét hỗ trợ trong trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

Điều 9. Các hỗ trợ, ưu đãi khác

1. Ưu tiên trong các hạng mục mua sắm hoặc đầu tư công có sử dụng ngân sách của Thành phố:

a) Các gói thầu có giá gói thầu không quá 20 (hai mươi) tỷ đồng được dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; ưu tiên cho các nhà thầu cung cấp sản phẩm tái chế.

b) Quy định bắt buộc có tiêu chí hoặc điểm ưu tiên cho nhà thầu cung cấp sản phẩm tái chế trong tiêu chí lựa chọn nhà thầu khi xây dựng hồ sơ mời thầu.

c) Phương thức thực hiện: do cơ quan, tổ chức có hạng mục mua sắm hoặc đầu tư công tự quyết định, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Định kỳ hàng năm, tổ chức, cá nhân được hưởng hỗ trợ, ưu đãi phải xây dựng và thực hiện các chính sách bán hàng ưu đãi, khuyến khích người tiêu dùng sử dụng sản phẩm (khuyến mại, giảm giá, tích điểm - đổi quà...) khi thực hiện kinh doanh, phân phối sản phẩm tái chế, thân thiện với môi trường; đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các sở, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức khác thuộc Thành phố có trách nhiệm hỗ trợ tối đa việc cung cấp thông tin về môi trường đầu tư, quy hoạch ngành nghề, tiếp cận quỹ đất, chuyển đổi số, thủ tục thành lập doanh nghiệp và thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan đến hoạt động đầu tư dự án đảm bảo nhanh, gọn.

4. Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng trang thông tin điện tử cung cấp các thông tin, chính sách về: các tổ chức, cá nhân có uy tín, có thành tích tốt trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan đến tái chế rác thải và các hoạt động tái chế rác thải trên địa bàn Thành phố; nhằm hỗ trợ, kết nối doanh nghiệp và tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân được tiếp cận đầy đủ các chính sách của Thành phố ban hành.

Điều 10. Thủ tục áp dụng

Đối tượng được hưởng hỗ trợ, ưu đãi quy định tại Điều 5 Nghị quyết này thực hiện thủ tục hưởng hỗ trợ, ưu đãi tương ứng với từng loại hỗ trợ, ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành tại các cơ quan có thẩm quyền sau đây:

1. Cơ quan thuế hướng dẫn thủ tục và quyết định hỗ trợ, ưu đãi quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 7 và các hoạt động quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 8 trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 5 Điều 8 Nghị quyết này.

2. Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố hướng dẫn thủ tục và quyết định cho vay vốn và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 7 và khoản 1 Điều 8 Nghị quyết này.

3. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện thu phí, lệ phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị quyết này.

4. Cơ quan tài chính tổng hợp nhu cầu kinh phí từ nguồn ngân sách hàng năm của Thành phố theo phân cấp để bố trí cho các hoạt động quy định tại các khoản 3 và 4 Điều 8 trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 8 Nghị quyết này theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết; phân công cụ thể trách nhiệm của các sở, ban, ngành của Thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã, phường thực hiện các biện pháp hỗ trợ, ưu đãi quy định tại Nghị quyết này.

b) Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, công khai rộng rãi nội dung của Nghị quyết nhằm phổ biến đến từng người dân để thực hiện có hiệu quả.

c) Thường xuyên rà soát, đánh giá, tổng kết về kết quả thực hiện Nghị quyết; kịp thời khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Nghị quyết này. Nếu có khó khăn vướng mắc, kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc ban hành sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với điều kiện của Thành phố.

2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tiếp tục nghiên cứu và đề xuất hỗ trợ, ưu đãi cho các hoạt động tái chế rác thải phù hợp với nhu cầu thực tế của Thành phố trong các giai đoạn tiếp theo.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền, vận động và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 7 năm 2025.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cơ quan có thẩm quyền cao hơn hoặc có mục tiêu, chỉ tiêu yêu cầu cao hơn thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố để xem xét, ban hành sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội Khóa XVI, Kỳ họp thứ 25 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn

Phụ lục I**DANH MỤC CÁC LOẠI RÁC THẢI TÁI CHẾ ĐƯỢC HỖ TRỢ, ƯU ĐÃI***(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND**ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

TT	Phân nhóm	Loại rác thải tái chế (loại hình sản phẩm, bao bì và các vật liệu thải bỏ)	Giải pháp tái chế được lựa chọn	Tỷ lệ nguyên liệu sản xuất từ rác thải tái chế trong sản phẩm tái chế	Yêu cầu/ Thời hạn hoàn thành áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất (BAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Hoạt động sản xuất sản phẩm từ tái chế				
1	Nhựa thải	Sản phẩm, bao bì PET cứng	1. Sản xuất mảnh, hạt nhựa PET thương phẩm. 2. Sản xuất các sản phẩm khác như xơ, sợi, bao bì nhựa, v.v...(không bao gồm nhiên liệu đốt như: viên đốt, dầu, v.v...).	Tối thiểu 20%	- Áp dụng BAT đối với ít nhất 01 (một) hoạt động hoặc công đoạn sản xuất.
		Sản phẩm, bao bì HDPE, LDPE, PP, PS cứng	1. Sản xuất mảnh, hạt nhựa thương phẩm. 2. Sản xuất các sản phẩm khác như xơ, sợi, bao bì nhựa, dầu, v.v...(không bao gồm viên đốt).		
		Sản phẩm, bao bì EPS, PVC cứng và nhựa cứng khác	1. Sản xuất mảnh, hạt nhựa thương phẩm. 2. Sản xuất các sản phẩm khác như xơ, sợi, bao bì nhựa, dầu, v.v...(không bao gồm viên đốt).		
		Sản phẩm, bao bì EPS cứng			
		Sản phẩm, bao bì PVC cứng			

TT	Phân nhóm	Loại rác thải tái chế (loại hình sản phẩm, bao bì và các vật liệu thải bỏ)	Giải pháp tái chế được lựa chọn	Tỷ lệ nguyên liệu sản xuất từ rác thải tái chế trong sản phẩm tái chế	Yêu cầu/ Thời hạn hoàn thành áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất (BAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Sản phẩm, bao bì nhựa cứng khác			
		Sản phẩm, bao bì nhựa mềm	1. Sản xuất hạt nhựa thương phẩm.		
		- Bao bì đơn vật liệu mềm	2. Sản xuất các sản phẩm khác.		
		- Bao bì đa vật liệu mềm			
2	Thủy tinh thải	Sản phẩm, bao bì thủy tinh	1. Xay, nghiền thành bột, hạt thủy tinh làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất khác. 2. Sản xuất các sản phẩm khác.	Tối thiểu 20%	- Trước ngày 01/01/2030: Áp dụng BAT đối với ít nhất 01 (một) hoạt động hoặc công đoạn sản xuất. - Kể từ ngày 01/01/2030: Áp dụng BAT đối với ít nhất 02 (hai) hoạt động hoặc công đoạn sản xuất.
3	Giấy thải	Sản phẩm, bao bì Giấy, carton	1. Sản xuất bột giấy thương phẩm. 2. Sản xuất các sản phẩm giấy như giấy kraft, giấy carton,	Tối thiểu 20%	- Trước ngày 01/01/2030: Áp dụng BAT đối với ít nhất 01

TT	Phân nhóm	Loại rác thải tái chế (loại hình sản phẩm, bao bì và các vật liệu thải bỏ)	Giải pháp tái chế được lựa chọn	Tỷ lệ nguyên liệu sản xuất từ rác thải tái chế trong sản phẩm tái chế	Yêu cầu/ Thời hạn hoàn thành áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất (BAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			giấy vệ sinh, giấy viết, v.v...		(một) hoạt động hoặc công đoạn sản xuất. - Kể từ ngày 01/01/2030: Áp dụng BAT đối với ít nhất 02 (hai) hoạt động hoặc công đoạn sản xuất.
		Sản phẩm, bao bì Giấy hỗn hợp đa lớp (bao bì có thành phần từ 2 loại vật liệu trở lên trong đó có giấy và có ít nhất 3 lớp vật liệu)	1. Sản xuất bột giấy thương phẩm. 2. Sản xuất các sản phẩm giấy như giấy kraft, giấy carton, giấy vệ sinh, v.v... hoặc các sản phẩm khác như tấm vật liệu, tấm lợp, v.v...		
4	Kim loại thải	Bao bì nhôm	1. Sản xuất phôi nhôm thương phẩm. 2. Sản xuất các sản phẩm khác.	Tối thiểu 22%	- Trước ngày 01/01/2030: Áp dụng BAT đối với ít nhất 01 (một) hoạt động hoặc công đoạn sản xuất. - Kể từ ngày 01/01/2030: Áp dụng BAT đối với ít nhất 02 (hai) hoạt động hoặc công đoạn sản xuất.
		Bao bì sắt và kim loại khác	1. Sản xuất phôi kim loại thương phẩm. 2. Sản xuất các sản phẩm khác.		

TT	Phân nhóm	Loại rác thải tái chế (loại hình sản phẩm, bao bì và các vật liệu thải bỏ)	Giải pháp tái chế được lựa chọn	Tỷ lệ nguyên liệu sản xuất từ rác thải tái chế trong sản phẩm tái chế	Yêu cầu/ Thời hạn hoàn thành áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất (BAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
5	Cao su thải	Săm, lốp các loại	1. Đắp, dán lốp theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. 2. Sản xuất bột, hạt cao su thương phẩm. 3. Sản xuất các sản phẩm dầu khác.	Tối thiểu 05%	- Áp dụng BAT đối với ít nhất 01 (một) hoạt động hoặc công đoạn sản xuất.
II Hoạt động tái chế rác thải					
		Tất cả các loại trên	Tất cả các giải pháp trên	-	- Trước ngày 01/01/2031: Áp dụng BAT đối với ít nhất 01 (một) hoạt động hoặc công đoạn sản xuất. - Kể từ ngày 01/01/2031: Áp dụng BAT đối với ít nhất 02 (hai) hoạt động hoặc công đoạn sản xuất.

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC LOẠI PHÍ, LỆ PHÍ CÓ MỨC THU 0 (KHÔNG) ĐỒNG

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND
ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

TT	TÊN PHÍ	CƠ QUAN QUY ĐỊNH
A.	DANH MỤC PHÍ	
I	PHÍ THUỘC LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI, ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG	
1	Phí thẩm định đầu tư, dự án đầu tư	
1.1	<i>Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng</i>	Bộ Tài chính
1.2	<i>Phí thẩm định thiết kế cơ sở</i>	Bộ Tài chính
1.3	<i>Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật</i>	Bộ Tài chính
1.4	<i>Phí thẩm định dự toán xây dựng</i>	Bộ Tài chính
II	PHÍ THUỘC LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	
1	Phí bảo vệ môi trường	
1.1	<i>Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải</i>	Chính phủ
1.2	<i>Phí bảo vệ môi trường đối với khí thải</i>	Chính phủ
1.3	<i>Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường</i>	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
1.4	<i>Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường (cấp lần đầu)</i>	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
2	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
3	Phí khai thác, sử dụng nguồn nước	
3.1	<i>Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất</i>	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
3.2	<i>Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt</i>	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

4	Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
5	Phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ	Bộ Tài chính
B.	DANH MỤC LỆ PHÍ	
I	LỆ PHÍ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN SỞ HỮU, QUYỀN SỬ DỤNG TÀI SẢN	
1	Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
2	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
II	LỆ PHÍ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN SẢN XUẤT, KINH DOANH	
1	Lệ phí đăng ký doanh nghiệp	Bộ Tài chính
2	Lệ phí đăng ký kinh doanh	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Ghi chú: Áp dụng đối với các loại phí, lệ phí phải nộp thuộc trường hợp là khoản thu ngân sách địa phương.